

THÔNG BÁO

Về việc xin báo giá dịch vụ Quan trắc môi trường năm 2025 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi có nhu cầu tiếp nhận báo giá để lựa chọn nhà thầu cho gói thầu dịch vụ Quan trắc môi trường năm 2025 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Người tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi.

Số điện thoại: 0255.382.7899

Địa chỉ: Đường Lê Hữu Trác, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Email: bvdtkquangngai@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ngãi

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ lúc phát hành yêu cầu báo giá này đến trước 17h00 ngày 21 tháng 02 năm 2025. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Nhà thầu ghi rõ trên bì thư báo giá: “Báo giá dịch vụ Quan trắc môi trường Bệnh viện năm 2025”

6. Báo giá có hiệu lực trong vòng tối thiểu **90 ngày** kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đăng trang Website Bệnh viện;
- Lưu: VT, KSNK.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thiều

PHỤ LỤC

Danh mục quan trắc môi trường tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi năm 2025

(Kèm theo Thông báo số /TB-BVĐK ngày tháng 02 năm 2025)

I. NƯỚC THẢI Y TẾ

- **Vị trí lấy mẫu:** Nước thải trước xử lý và Nước thải sau xử lý (02 mẫu).
- **Thành phần (thông số quan trắc):** theo QCVN 28/2010/BTNMT (cột B, k=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, k=1,0) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt
- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần (thực hiện tất cả các quý/năm 2025)
- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu/ 01 quý	Tổng số mẫu (Năm 2025)
1	pH	02	08
2	BOD ₅	02	08
3	COD	02	08
4	Chất rắn lơ lửng (TSS)	02	08
5	Sunfua	02	08
6	Tổng chất rắn hòa tan	02	08
7	Amoniac (Amoni)	02	08
8	Nitrat	02	08
9	Photphat	02	08
10	Dầu mỡ	02	08
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	02	08
12	Coliform tổng số	02	08
13	<i>Salmonela</i>	02	08
14	<i>Shigella</i>	02	08
15	<i>Vibrio cholerae</i>	02	08

II. NƯỚC SINH HOẠT

- **Vị trí lấy mẫu:** 02 vị trí (02 mẫu)
 - + 01 mẫu nước tại bể chứa nước trước khi sử dụng của Bệnh viện.
 - + 01 mẫu tại vòi sử dụng ngẫu nhiên trên mạng lưới đường ống phân phối
- **Thành phần (thông số quan trắc):** theo QCDP 01:2023/QNg – Quy

chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (Nhóm A).

- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần (thực hiện tất cả các quý)

- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu/ 01 quý	Tổng số mẫu (Năm 2025)
1	Coliform	02	08
2	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	02	08
3	Màu sắc	02	08
4	Mùi, Vị	02	08
5	Độ đục	02	08
6	pH	02	08
7	Clo dư tự do	02	08

III. QUAN TRẮC NƯỚC UỐNG THEO TIÊU CHÍ “XANH – SẠCH – ĐẸP”

(Đối với CSYT sử dụng máy lọc nước uống trực tiếp)

- **Số lượng và vị trí lấy mẫu:** 03 Mẫu nước tại vòi máy lọc nước uống trực tiếp.

- **Thành phần (thông số quan trắc):** Theo QCVN 6-1:2010/BYT (Phụ lục III) - Nước khoáng thiên nhiên và nước đóng chai.

- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần (thực hiện tất cả 04 quý)

- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu	Số mẫu/ 01 quý	Tổng số mẫu
1	E. coli hoặc coliform chịu nhiệt	03	12
2	Coliform tổng số	03	12
3	Streptococci feacal	03	12
4	Pseudomonas aeruginosa	03	12
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	03	12

IV. PHÂN TÍCH MẪU KHÔNG KHÍ

- **Địa điểm quan trắc và thông số quan trắc:**

• **Cổng chính bệnh viện**

Thông số giám sát: CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, bụi

• **Khu vực máy phát điện dự phòng**

Thông số giám sát: CO, NO₂, SO₂, tiếng ồn, bụi

• **Khu xử lý nước thải và khu vực lưu giữ chất thải** (chung 01 vị trí):

Thông số giám sát: H₂S, NH₃

- **Tiêu chuẩn so sánh, đánh giá kết quả:**

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung)

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- **Tần suất quan trắc:** 06 tháng/lần (*thực hiện vào quý II và quý IV năm 2025*)

- **Thông số quan trắc:**

TT	Tên chỉ tiêu Điểm đo	Số mẫu/ 01 quý	Tổng số mẫu (Quý II, IV năm 2025)
Cổng chính bệnh viện và Máy phát điện dự phòng			
1	SO ₂	02	04
2	NO ₂	02	04
3	CO	02	04
4	Bụi lơ lửng (TSP)	02	04
5	Ồn	02	04
Khu xử lý nước thải và khu vực lưu giữ chất thải			
6	NH ₃	01	02
7	H ₂ S	01	02

V. QUAN TRẮC CHẤT THẢI RẮN Y TẾ

- **Địa điểm quan trắc:** Các khoa, phòng của bệnh viện; Khu vực lưu giữ tập trung chất thải rắn y tế của khoa, phòng và bệnh viện; Khu vực lưu giữ tạm thời của bệnh viện.

- **Thành phần (thông số quan trắc):**

+ Chất thải thông thường.

+ Chất thải y tế nguy hại bao gồm: Chất thải lây nhiễm (CTLN), chất thải nguy hại không lây nhiễm.

+ Số lượng chất thải rắn y tế (CTRYT) phát sinh trung bình một ngày (kg/ngày); Tổng số lượng CTRYT phát sinh trong kỳ báo cáo (kg); Tổng số lượng CTRYT phát sinh theo từng thành phần chất thải.

+ Căn cứ vào quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý CTRYT và quản lý CTNH tại Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021

của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế để xây dựng bảng kiểm đo lường và đánh giá thực trạng về công tác QLCTYT tại BVĐK tỉnh Quảng Ngãi.

- **Tần suất quan trắc:** 03 tháng/lần (*thực hiện tất cả các quý năm 2025*)

TT	Nội dung công việc	Số lượt điều tra (1 quý)	Tổng số lượt điều tra (Năm 2025)
1	Điều tra phân loại chất thải y tế tại bệnh viện (<i>số lượng, phân loại, thu gom, vận chuyển...</i>)	01	04
2	Điều tra tổng hợp hồ sơ môi trường (<i>Tổng hợp các hợp đồng mới nhất của bệnh viện: Hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại, Hợp đồng vệ sinh môi trường, hợp đồng vận chuyển chất thải thông thường...</i>)	01	04

VI. VIẾT BÁO CÁO

TT	Nội dung	In Báo cáo	Tổng số
1	Đơn vị thực hiện Quan trắc môi trường tại Bệnh viện thực hiện: Tổng hợp điều tra và viết Báo cáo Quan trắc môi trường	03 Bản (<i>01 bản gốc và 02 bản photo</i>)	12 bản (<i>04 bản gốc và 08 bản photo</i>)